

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC/MÔ ĐUN

Lớp: **TPL22BITS** Năm học: **22-23**
Mã môn học/ Mô đun: **MH01185** Học kỳ: **01**
Tên môn học/ Mô đun: **Pháp luật**
Số tín chỉ: **1**

STT	MSHS	Họ tên	Ngày sinh	Hệ số 1				Hệ số 2				ThiL1	ThiL2	ĐMH/ MD
1	2253801012797	Huỳnh Ngọc Anh	08/07/1987				8	8.0				8.5		8.3
2	2253801012798	Nguyễn Văn Bảo	20/10/1997				9	7.0				9.0		8.5
3	2253801012799	Dương Văn Bông	18/11/1982				9	7.0				9.0		8.5
4	2253801012800	Nguyễn Thành Chu	08/06/1962				5	8.0				8.2		7.7
5	2253801012801	Phạm Văn Duyên	29/12/1972				7	6.0				9.0		7.9
6	2253801012802	Nguyễn Thành Đạt	05/09/2001				9	5.0				8.0		7.3
7	2253801012803	Lê Thanh Điền	11/11/1985				9	7.0				8.0		7.9
8	2253801012805	Nguyễn Văn Hậu	25/05/2002				8	8.0				9.5		8.9
9	2253801012806	Phạm Thái Hòa	12/06/1988				6	7.0				9.0		8.1
10	2253801012807	Đinh Thị Thu Hương	06/11/2001				6	6.0				8.5		7.5
11	2253801012809	Tô Nam Khang	30/03/1993				8	5.0				9.5		8.1
12	2253801012811	Nguyễn Hoàng Minh Khoa	19/07/2004				6	6.0				9.0		7.8
13	2253801012813	Lê Nhựt Diệu Lành	07/07/2006				8	6.0				8.0		7.5
14	2253801012814	Phạm Kim Liên	21/07/1992				9	7.0				8.5		8.2
15	2253801012815	Lê Văn Lực	13/02/1988				7	8.0				9.0		8.5
16	2253801012817	Khuru Trần Võ Nghĩa	24/12/1973				8	7.0				8.5		8.0
17	2253801012819	Nguyễn Thị Cẩm Như	05/08/2001				9	5.0				8.5		7.6
18	2253801012820	Trang Quốc Pháp	06/08/2001				9	7.0				7.5		7.6
19	2253801012821	Nguyễn Văn Phước	05/07/1968				9	7.0				8.5		8.2

Châu Đốc, ngày 2 tháng 6 năm 2023

TP. Đào tạo

Giáo viên giảng dạy

Ths. Trần Thanh Dũng

Đoàn Thị Ngọc Yến